ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ VĨNH CÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: 998 /QĐ-UBND	*Vĩnh Công, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Đường Đình

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH CÔNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Xây dựng Luật số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025.

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 của UBND xã Vĩnh Công về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường Đình;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND xã Vĩnh Công về việc giao làm chủ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 25/TB-TTĐ ngày 28/8/2026 của Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng và lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn xã Vĩnh Công về việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường Đình.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 449 /TTr-KT ngày 08 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Đường Đình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường Đình.

2. Địa điểm xây dựng: xã Vĩnh Công, tỉnh Tây Ninh.

3. Cấp quyết định đầu tư: UBND xã Vĩnh Công.

4. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Vĩnh Công.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH TVXD Vũ Anh Song Phát.

6. Loại, nhóm dự án, loại, cấp công trình chính:

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

7. Mục tiêu dự án: Việc đầu tư công trình Đường Đình nhằm đảm bảo lưu thông an toàn, nâng cao chất lượng hệ thống giao thông trong khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của xã Vĩnh Công.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

a. Qui mô thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm C

- Loại công trình: Công trình giao thông

- Cấp đường thiết kế: Đường GTNT cấp B (TCVN 10380: 2014).

- Cấp công trình: Cấp IV (Thông tư 34/2026/TT-BXD).

- Vận tốc thiết kế: 20 Km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 60KN (6,0tấn).

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế: Sửa chữa toàn bộ kết cấu móng, mặt đường 25 năm; sửa chữa các lớp áo đường 08 năm (phụ lục V – Thông tư số 41/2024/TT).

b. Phần nền và mặt dường:

- Điểm đầu: Km0+000 giao ĐT.827.

- Điểm cuối: Km0+756,4 giao với đường BTXM hiện hữu.

- Tổng chiều dài tuyến: 756,4 m.

- Tim tuyến: bám theo tim đường hiện hữu.

- Cao độ thiết kế: Để phù hợp với cao độ các đường trong khu vực cao độ thiết kế dao động từ (1,31÷1,68)m bám theo cao độ đường hiện hữu bù vênh lớp BTXM đảm bảo cường độ chịu lực, vị trí đầu, cuối tuyến vuốt nối về cao độ hiện trạng.

- Quy mô mặt cắt ngang:

+ Mặt đường rộng: 2,25m x 2 bên =4,50m, dốc ngang 2 mái i= 2,0% nghiêng ra phía lề.

+ Lề đường rộng: 0,5m x 2 bên = 1,0m, dốc ngang in= 4% nghiêng ra taluy.

+ Tổng chiều rộng nền đường: Bn= 5,50m.

Riêng các đoạn tuyến đi qua sân nền, tường rào nhà dân, kiến trúc kiên cố thiết kế giảm lề đường để đảm bảo phù hợp quy mô kết cấu hiện trạng.

- Kết cấu mặt đường: Kết cấu mặt đường cứng bê tông xi măng (TCCS39:2022/TCĐBVN) ứng với cường độ chịu kéo uốn của bê tông R_{ku} = 4,0MPa; cường độ chịu nén R_n = 30MP, kết cấu từ trên xuống như sau:

• Phạm vi mặt đường hiện hữu:

+Mặt đường BTXM M300, đá (1x2), độ sụt (2÷4)cm dày tối thiểu 16cm

+Vệ sinh mặt đường hiện hữu.

• Phạm vi mặt đường mở rộng:

+Mặt đường BTXM M300, đá (1x2), độ sụt (2÷4)cm dày 18cm

+Lớp nilon ngăn cách

+Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm, K≥0,98

+Trải vải địa kỹ thuật không dệt 15kN/m

+Đắp cát dày 50cm, đầm chặt K≥0,95

+Đào cắt khuôn nền đường

- Kết cấu lề đường: đắp đất đầm chặt K≥0,95 (đất tận dụng từ đào khuôn đường).

- Kết cấu taluy: đắp đất đầm chặt K≥0,90 (đất tận dụng từ đào khuôn đường).

- Tại các vị trí xung yếu, nguy cơ mất ổn định nền đường thiết kế gia cố 2 hàng cừ tràm mật độ 16cây/md. Chiều dài cừ tràm L=4,5m, Øgốc= (8÷10)cm, Øngọn = (4,0÷4,5)cm.

c. Phần thoát nước:

- Thoát nước mặt đường chảy tràn tự nhiên ra các vị trí ao, mương trũng….

- Thoát nước ngang: thiết kế nối dài 02 vị trí cống ngang trên tuyến:

+ Cống ngang số 1: Ø80cm, lý trình Km0+278,00 nối dài cống 2,5m mỗi bên.

+ Cống ngang số 2: Ø60cm, lý trình Km0+447,60, nối dài cống 2,5m mỗi bên.

- Kết cấu cống ngang :

+ Ống cống dùng cống đúc sẵn công nghệ rung ép hoặc công nghệ tương đương sản xuất tại nhà máy loại H30-XB80, mỗi đốt cống dài 2,50m.

+ Mối nối ống cống bằng vữa ximăng cát mác 100 và Joint cao su.

+ Móng cống bằng BTXM M200, đá (1x2)cm, dày 20cm.

+ Lớp cát đệm đầu cừ dày 20cm.

+ Cừ tràm gia cố nền với mật độ 25cây/m², chiều dài cừ 4,5m, Øngọn = (4÷4,5)cm, Øgốc= (8÷10)cm.

+ Lưng cống được đắp trả bằng đất thành từng lớp đầm chặt K≥0,95.

- Kết cấu cửa xả:

+ Tường đầu, chân khay bằng BTXM M200, đá (1x2)cm, độ sụt (2÷4)cm.

+ Lớp cát đệm đầm chặt dày 20cm.

+ Cừ tràm gia cố nền với mật độ 25cây/m², chiều dài cừ 4,5m, Øngọn = (4÷4,5)cm, Øgốc= (8÷10)cm.

d. Thiết kế an toàn giao thông:

Hệ thống an toàn giao thông được thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm: hệ thống các cọc tiêu, biển báo và các hệ thống báo hiệu khác.

9. **Tổng kinh phí xây dựng công trình (làm tròn): 3.242.172.000 đồng.**

(Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí di dời ống nước: **71.915.000** đồng.
- Chi phí xây dựng, nhà tạm để ở và điều hành thi công: **2.522.515.000** đồng.
- Chi phí Quản lý dự án: **55.288.000** đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: **227.230.000** đồng.

+ Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế- kỹ thuật: 123.732.000 đồng.
+ Chi phí thẩm tra TK bản vẽ TC và dự toán: 9.952.000 đồng.
+ Chi phí lập HSMT và HSYC: 8.540.000 đồng.
+ Chi phí thẩm định kết quả LCNT: 2.749.000 đồng.
+ Chi phí thẩmđịnh HSMT và HSYC: 3.000.000 đồng.
+ Chi phí giám sát thi công xây dựng: 79.057.000 đồng.

- Chi phí khác: **22.718.000** đồng.

+ Chi phí thẩm tra, PD quyết toán đầu tư: 16.433.000 đồng.
+ Chi phí Bảo hiểm công trình xây dựng: 6.285.000 đồng.

- Chi phí dự phòng: **342.706.000** đồng.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Ngân sách xã. Bắt đầu bố trí vốn năm 2026, từ vốn XSKT bổ sung có mục tiêu.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): không

14. Các nội dung khác (nếu có): không.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế xã Vĩnh Công phối hợp với các ngành triển khai, lập thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân xã, Trưởng Phòng Kinh tế xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND xã;
- KBNN KV XVIII (phối hợp);
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Châu